

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Dự thảo sau tham vấn
và tiếp thu ý kiến

TCVN 7830:2026

Xuất bản lần 5

**MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ KHÔNG ỐNG GIÓ –
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG**

Non-ducted air conditioners – Energy Efficiency

HÀ NỘI – 2026

Mục lục**Trang**

Lời nói đầu.....	4
1 Phạm vi áp dụng	5
2 Tài liệu viện dẫn	5
3 Thuật ngữ và định nghĩa	5
4 Yêu cầu kỹ thuật	6
5 Phương pháp xác định	6
6 Báo cáo kết quả	7

Lời nói đầu

TCVN 7830:2026 thay thế TCVN 7830:2021;

TCVN 7830:2026 do Tiểu Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN/TC/E1/SC5 *Hiệu suất năng lượng của thiết bị lạnh* biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Máy điều hòa không khí không ống gió – Hiệu suất năng lượng

Non-ducted air conditioners – Energy Efficiency

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định mức hiệu suất năng lượng và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng cho máy điều hòa không khí không ống gió sử dụng máy nén-động cơ kiểu kín và giàn ngưng tụ làm mát bằng không khí, một cụm hoặc hai cụm, có hoặc không có biến tần (sau đây gọi tắt là thiết bị) có năng suất lạnh danh định đến 12 000 W.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các máy điều hòa không khí làm mát bằng nước, loại có ống gió, loại xách tay, loại đứng sàn, loại âm trần, các máy điều hòa không khí nhiều hơn hai cụm hoặc các máy điều hòa không khí sử dụng điện ba pha.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng các phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, nếu có.

TCVN 6576:2020 (ISO 5151:2017), *Máy điều hoà không khí và bơm nhiệt không ống gió – Thử và xác định thông số tính năng*

TCVN 10273-1:2013 (ISO 16358-1:2013), *Máy điều hoà không khí giải nhiệt gió và bơm nhiệt gió-gió – Phương pháp thử và tính toán các hệ số hiệu quả mùa – Phần 1: Hệ số hiệu quả mùa làm lạnh*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa nêu trong TCVN 6576:2020 (ISO 5151:2017), TCVN 10273-1:2013 (ISO 16358-1:2013) và định nghĩa dưới đây.

3.1

Năng suất lạnh (cooling capacity)

ϕ

Tổng nhiệt hiện và nhiệt ẩn mà thiết bị có thể lấy đi khỏi một không gian được điều hòa nhất định trong một thời gian xác định. Năng suất lạnh được biểu thị bằng đơn vị oát (W).

3.2

Công suất điện đầy tải (full load power input)

P

Công suất điện trung bình đầu vào thiết bị được đo trong suốt thử nghiệm ở chế độ đầy tải. Công suất điện được biểu thị bằng đơn vị oát (W).

3.3

Hiệu suất năng lượng (Energy Efficiency)

CSPF

Hiệu suất năng lượng của máy điều hòa không khí được xác định bằng hệ số hiệu quả mùa làm lạnh.

[NGUỒN: TCVN 10273-1:2013 (ISO 16358-1:2013), 3.4]

4 Yêu cầu kỹ thuật

4.1 Yêu cầu về năng suất lạnh và công suất điện đầy tải

Năng suất lạnh phải lớn hơn hoặc bằng 95 % năng suất lạnh do nhà chế tạo công bố.

Công suất điện đầy tải phải nằm trong phạm vi $\pm 10\%$ công suất điện danh định do nhà chế tạo công bố.

4.2 Yêu cầu về hiệu suất năng lượng

Hiệu suất năng lượng của thiết bị được chia thành 5 cấp. Ứng với các cấp hiệu suất năng lượng từ 1 đến 5, hiệu suất năng lượng không được nhỏ hơn giá trị quy định trong Bảng 1. Cấp 1 là cấp có hiệu suất năng lượng thấp nhất, là cơ sở để xác định mức hiệu suất năng lượng tối thiểu (MEPS). Cấp 5 là cấp có hiệu suất năng lượng cao nhất.

Bảng 1 – Cấp hiệu suất năng lượng

Kiểu thiết bị	Năng suất lạnh danh định (ϕ) W	Cấp				
		1	2	3	4	5
Một cụm	—	$\geq 3,60$	$\geq 3,80$	$\geq 4,00$	$\geq 4,20$	$\geq 4,60$
Hai cụm	$\phi < 4\,500$	$\geq 4,00$	$\geq 4,50$	$\geq 5,00$	$\geq 5,50$	$\geq 6,10$
	$4\,500 \leq \phi < 7\,100$	$\geq 3,80$	$\geq 4,30$	$\geq 4,80$	$\geq 5,30$	$\geq 5,80$
	$7\,100 \leq \phi < 12\,000$	$\geq 3,60$	$\geq 4,10$	$\geq 4,60$	$\geq 5,10$	$\geq 5,60$

5 Phương pháp xác định

Các phép thử được thực hiện trong điều kiện thử nghiệm T1 qui định trong TCVN 6576:2020 (ISO 5151:2017).

Năng suất lạnh của thiết bị được xác định theo TCVN 6576:2020 (ISO 5151:2017).

Hiệu suất năng lượng được xác định theo TCVN 10273-1:2013 (ISO 16358-1:2013).

Đối với thiết bị loại có năng suất lạnh cố định, cho phép chỉ thử nghiệm hiệu suất năng lượng ở chế độ năng suất lạnh tiêu chuẩn mà không phải thử nghiệm ở chế độ năng suất lạnh nhiệt độ thấp (xem Bảng 1 của TCVN 10273-1:2013 (ISO 16358-1:2013)). Khi đó giá trị hiệu suất năng lượng được tính bằng kết quả thử nghiệm hiệu suất năng lượng ở chế độ năng suất lạnh tiêu chuẩn nhân với hệ số 1,062.

6 Báo cáo kết quả

Báo cáo thử nghiệm tối thiểu phải có các thông tin sau:

- a) Các giá trị công suất điện vào $P_{50\%}$, trong trường hợp áp dụng, và $P_{100\%}$;
 - b) Các giá trị năng suất lạnh $\phi_{50\%}$, trong trường hợp áp dụng, và $\phi_{100\%}$;
 - c) Chỉ số hiệu suất năng lượng, CSPF, làm tròn đến hai chữ số thập phân.
-